Chi tiết mã HS 8522.90.20

Mã HS	8522.90.20
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị của nhóm 85.19 hoặc 85.21 / - Loại khác: / - - Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy trả lời điện thoại
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 18:33:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85229020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15456
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15456
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15456
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14769
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14710
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14710
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14710
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14710
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14710
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14710
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14764
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14764

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14764
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14764
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14764
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14764
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14765
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14765
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14765
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14765
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14765
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14765
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14768
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14716
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14724
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14724
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14724
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14724
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14724
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14724
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14755
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14755
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14755
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14755
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14755
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14755
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14810
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14810

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14810
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14810
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14810
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14810
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14789
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14789
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14789
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14789
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14789
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14789
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14787
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14787
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14787
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14787
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14787
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14787
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D14802
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E14802
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F14802
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14802
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14802
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14802
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D14801
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E14801
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F14801
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14801

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14801
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14801
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14794
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14794
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14794
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14794
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14794
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14794
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14794
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14789
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14789
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14789
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14789
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14789
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14789
RCEP B	2022	2022	0	B!D14789
RCEP B	2023	2023	0	B!E14789
RCEP B	2024	2024	0	B!F14789
RCEP B	2025	2025	0	B!G14789
RCEP B	2026	2026	0	B!H14789
RCEP B	2027	2027	0	B!I14789
RCEP C	2022	2022	0	C!D14789
RCEP C	2023	2023	0	C!E14789
RCEP C	2024	2024	0	C!F14789
RCEP C	2025	2025	0	C!G14789
RCEP C	2026	2026	0	C!H14789

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14789
RCEP D	2022	2022	0	D!D14788
RCEP D	2023	2023	0	D!E14788
RCEP D	2024	2024	0	D!F14788
RCEP D	2025	2025	0	D!G14788
RCEP D	2026	2026	0	D!H14788
RCEP D	2027	2027	0	D!I14788
RCEP E	2022	2022	0	E!D14792
RCEP E	2023	2023	0	E!E14792
RCEP E	2024	2024	0	E!F14792
RCEP E	2025	2025	0	E!G14792
RCEP E	2026	2026	0	E!H14792
RCEP E	2027	2027	0	E!I14792
RCEP F	2022	2022	0	F!D14789
RCEP F	2023	2023	0	F!E14789
RCEP F	2024	2024	0	F!F14789
RCEP F	2025	2025	0	F!G14789
RCEP F	2026	2026	0	F!H14789
RCEP F	2027	2027	0	F!I14789
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13770
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13770
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13770
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13770

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8522.90 có 8 dòng thuế; dòng 8522.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy trả lời điện thoại.	8522.90.30 Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy ghi hoặc tái tạo âm thanh dùng trong lĩnh vực điện ảnh; 8522.90.40 Cơ cấu ghi hoặc đọc băng video hoặc audio và đĩa compact; 8522.90.50 Đầu đọc hình hoặc âm thanh, kiểu từ tính; đầu và thanh xoá từ; 8522.90.91 Bộ phận và phụ kiện khác của thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh dùng trong điện ảnh; 8522.90.92 Bộ phận khác của máy trả lời điện thoại; 8522.90.93 Bộ phận và phụ kiện khác của hàng hóa thuộc phân nhóm 8519.81 hoặc nhóm 85.21	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8522.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8522.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15456), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.